

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

www.bmsc.com.vn

BMSC 

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	1
TỔNG QUAN CÔNG TY	1
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	2
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	3
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	3
CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	7
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019	7
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ BAN ĐIỀU HÀNH	10
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	15
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU	17
ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	20
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	21
ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020	22
QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	24
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019	26

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG QUAN CÔNG TY

TẦM NHÌN

Phấn đấu trở thành Công ty chứng khoán có vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao với nền tảng giao dịch tiên tiến cùng đội ngũ nhân viên kinh nghiệm và tận tâm.

SỨ MỆNH

Phát triển tiềm lực về tài chính và con người để cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhà đầu tư. Phát triển chuyên sâu về dịch vụ ngân hàng đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp, M&A, bảo lãnh phát hành và môi giới chứng khoán để khai thác thế mạnh về kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên và hệ thống giao dịch.

TỔNG QUAN

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
Tên tiếng Anh: BAOMINH SECURITIES COMPANY
Tên viết tắt: BMSC
Trụ sở chính: Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P. 6, Q. 3, TP.HCM
Điện thoại: 84-28) 7306 8686 Fax: (84-28) 3824 7436
Email: info@bmsc.com.vn
Website: www.bmsc.com.vn

Giấy phép thành lập và hoạt động Số 90/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/04/2008. Các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động: số 382/GPĐC-UBCK ngày 31/12/2010, số 29/GPĐC-UBCK ngày 11/11/2014, số 16/GPĐC-UBCK ngày 24/05/2017, số 24/GPĐC-UBCK ngày 21/03/2018, số 87/GPĐC-UBCK ngày 18/10/2018, số 44/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2019.

Biểu tượng (logo):



Vốn điều lệ (tính đến ngày 31/12/2018) 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng chẵn)
Điện thoại: (84-28) 7306 8686 Fax: (84-28) 3824 7436
Mã cổ phiếu: BMS (UPCoM)

Ngành nghề cấp phép

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là BMSC) được sáng lập bởi Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, tổ chức hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm và đầu tư tài chính hàng đầu tại Việt Nam.

Công ty chính thức hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21/04/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, với vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 18/GPĐC-UBCK ngày 18/10/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngày 31/12/2010, thực hiện chủ trương của HĐQT về định hướng phát triển lâu dài và toàn diện, Công ty đã chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 29/09/2016, Công ty đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát mới. Ban lãnh đạo đã thực hiện tái cấu trúc lại Công ty, thu hút và xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng, vạch ra các chiến lược phát triển mới và đang hướng tầm nhìn chiến lược dài hạn đến mô hình ngân hàng đầu tư hiện đại và năng động.

Ngày 26/01/2018, BMSC đã thực hiện phát hành cổ phiếu ra công chúng, nâng mức vốn điều lệ hiện tại lên 500 tỷ đồng.

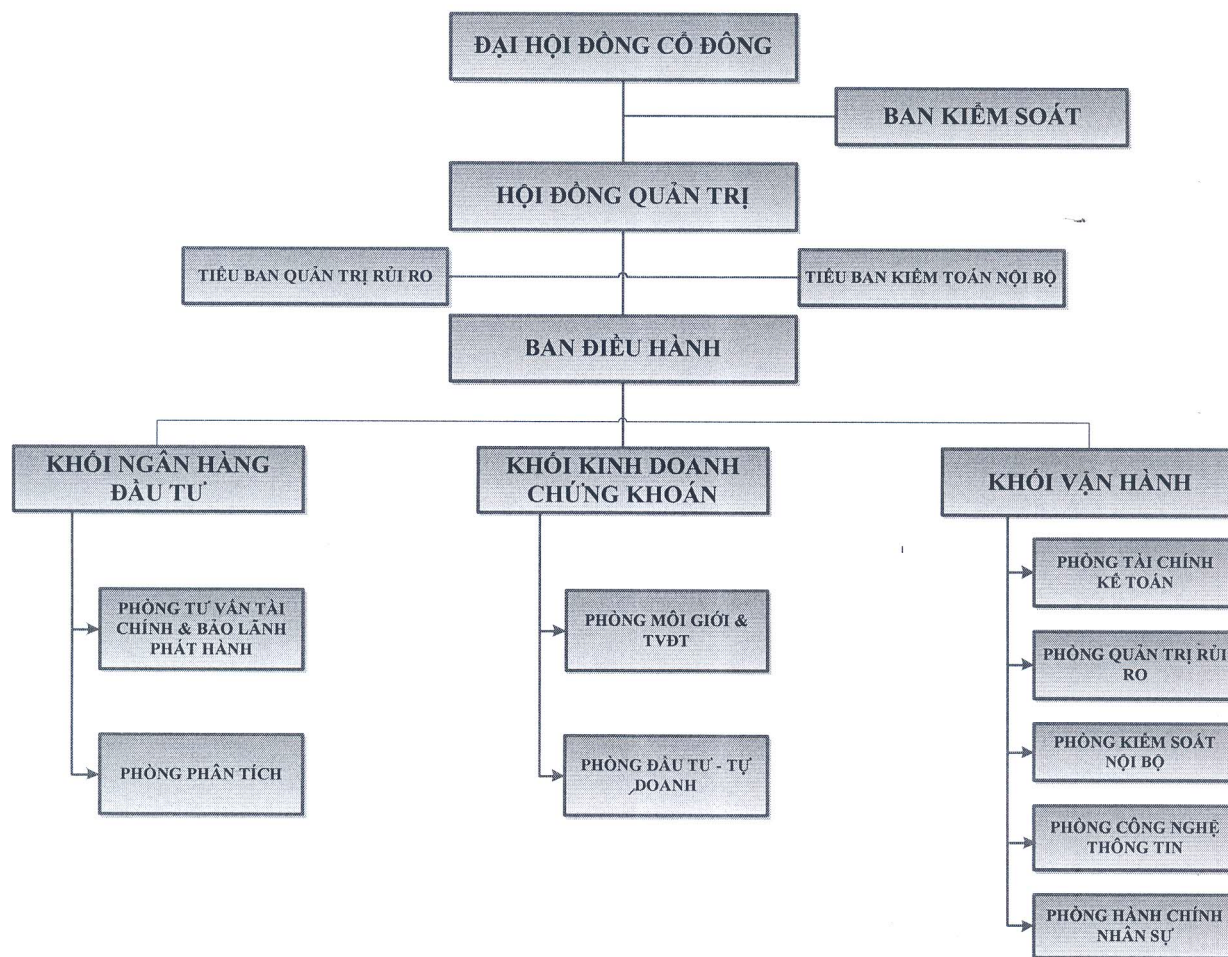
Thông qua tiềm lực tài chính dồi dào, cơ sở vật chất khang trang, hệ thống công nghệ hiện đại, an toàn và bảo mật, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp được đào tạo trong và ngoài nước, BMSC đã có những bước chuyển mình cơ bản để nhanh chóng đối mặt với những thách thức, đồng thời đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

Các thành tựu đạt được:

Là một trong 15 công ty chứng khoán được trao tặng danh hiệu công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu của năm, trong cuộc bình chọn Doanh nghiệp và thành viên thị trường tiêu biểu năm 2009 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Báo Đầu tư tổ chức.

Là một trong 1.000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2012 do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo điện tử VietNamNet và Tổng cục Thuế trao tặng.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



Mô hình tổ chức của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tiểu Ban quản trị rủi ro, Tiểu Ban kiểm toán nội bộ, Văn phòng HĐQT, Ban Điều hành.

Cơ cấu tổ chức Công ty được chia làm 3 khối:

- Khối ngân hàng đầu tư gồm: Phòng Tư vấn doanh nghiệp và Bảo lãnh phát hành, Phòng Phân tích.
- Khối kinh doanh chứng khoán gồm: Phòng Môi giới và Tư vấn đầu tư, Phòng Đầu tư – Tự doanh
- Khối hỗ trợ gồm: Phòng tài chính kế toán, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Quản Trị Rủi Ro, Phòng kiểm soát nội bộ, Phòng hành chính nhân sự.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mảng Môi giới:

- Đa dạng kênh thu hút nguồn vốn: vay vốn ngân hàng, phát hành trái phiếu... nhằm mở rộng nguồn vốn làm cơ sở cho việc mở rộng dịch vụ môi giới (ứng trước, ký quỹ) và dịch vụ tư vấn và cung cấp đa dạng sản phẩm tài chính;
- Tăng cường mở rộng hoạt động môi giới đồng thời tăng cường công tác quản trị rủi ro chặt chẽ;
- Phát triển mảng môi giới trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính phủ.

Mảng đầu tư, tự doanh:

- Phát triển hoạt động Trading ngắn hạn với mục tiêu sinh lợi tối đa trên tổng hạn mức đầu tư được cấp, hạn chế rủi ro. Để tận dụng các cơ hội của thị trường, danh mục đầu tư sẽ bao gồm: cổ phiếu niêm yết trên sàn; cổ phiếu OTC; Trái phiếu doanh nghiệp ...

Mảng Tư vấn Doanh nghiệp & Bảo lãnh Phát hành:

- Giữ vững mối quan hệ với nguồn khách hàng hiện tại, triển khai sâu rộng hoạt động bảo lãnh phát hành.
- Tăng cường mở rộng hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn IPO, niêm yết, M&A, phát hành trái phiếu doanh nghiệp...
- Hỗ trợ tự doanh, môi giới trong các nghiệp vụ liên quan.
- Thực hiện chăm sóc và tư vấn các doanh nghiệp đang và sẽ là khách hàng.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Những biến động của nền kinh tế vĩ mô có thể tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi thành phần kinh tế và đời sống xã hội, và qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực kinh tế có liên quan mật thiết đến nền kinh tế vĩ mô trong đó có lĩnh vực chứng khoán. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó có một số yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh của công ty cụ thể như sau:

Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế vĩ mô năm 2019 đón nhận những thành công nhất định của chính sách tiền tệ ổn định và duy trì mặt bằng lãi suất cho vay ở mức thấp nhằm hỗ trợ khó khăn cho doanh nghiệp, tiếp tục thực hiện tái cơ cấu các tổ chức tín dụng yếu kém, ổn định tỷ giá và thị trường vàng; các chính sách và biện pháp cụ thể để thúc đẩy và tạo điều kiện để ngành dịch vụ phát triển, ngày càng chiếm vai trò quan trọng trong tăng trưởng nền kinh tế.

GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Kết quả tăng trưởng khẳng định tính đúng đắn, kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng cả năm 2018.

Tuy triển vọng chung là tích cực, nhưng kinh tế Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều rủi ro bất lợi, do khoảng đệm chính sách còn hạn chế nên các cú sốc bên ngoài và trong nước có thể ảnh hưởng lên sự ổn định kinh tế vĩ mô.

Vấn đề toàn cầu hóa, tự do thương mại đứng trước thử thách mới và xu hướng bảo hộ trên thế giới đang hình thành sau sự kiện Brexit và bầu cử Tổng thống Mỹ. Chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, các quốc gia Đông Nam Á vẫn chưa thống nhất ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP),... sẽ ảnh hưởng rất lớn tới nền kinh tế của Việt Nam.

Rủi ro lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng cao sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Rủi ro lạm phát năm 2019 chủ yếu đến từ việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế và giáo dục theo lộ trình, khả năng tăng giá điện và thuế đánh vào xăng dầu tăng kịch trần, được dự báo là những nhân tố chính gây tăng lạm phát. Yếu tố giá hàng hóa thế giới sẽ không gây nhiều áp lực lên lạm phát do dự báo giá hàng hóa thế giới năm 2019 sẽ ít biến động hơn so với năm 2018, trong đó giá dầu bình quân dự báo chỉ tăng nhẹ. Tỷ giá USD/VND trong nước có thể tăng nhẹ dưới ảnh hưởng của việc Mỹ tăng lãi suất USD. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khoá và các chính sách vĩ mô khác để kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, không để xảy ra việc tác động tăng lạm phát “kép” đến từ việc tăng tỷ giá và giá xăng dầu thế giới.

Rủi ro về môi trường pháp lý

BMSC là một doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó toàn bộ hoạt động đều bị chi phối bởi pháp luật và các quy định của Việt Nam. Khuôn khổ pháp luật và chính sách tác động đến nền kinh tế và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và thương mại đã được phát triển kể từ khi chính sách “Đổi Mới” bắt đầu năm 1986 và vẫn còn đang trong giai đoạn phát triển. Trong những năm gần đây, mặc dù hệ thống pháp luật của Việt Nam đã được soạn thảo công phu, minh bạch hơn để các nhà đầu tư dễ tiếp cận, nhưng sự không chắc chắn và những vấn đề pháp luật hiện còn tồn tại trong các văn bản luật vẫn ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Khó có thể dự đoán được khi nào hệ thống pháp

luật của Việt Nam sẽ đạt được mức chắc chắn và có tính tiên liệu được như hệ thống pháp luật của các nền kinh tế phát triển khác.

Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định, quy trình của công ty trong các hoạt động của BMSC do việc không cập nhật hoặc cố tình không tuân thủ của nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng hay của công ty để rút tiền, đặt nhằm lệnh, tự doanh dùng tiền của công ty mua chứng khoán bên ngoài và bán lại cho công ty để ăn chênh lệch,.... Để hạn chế các thiệt hại có thể xảy ra công ty đã đưa ra các biện pháp:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, đề cao đạo đức nghề nghiệp;
- Ứng dụng tối đa công nghệ hiện đại để xây dựng, quản lý giao dịch hỗ trợ hiệu quả tối đa cho khách hàng;
- Xây dựng quy trình nội bộ để kiểm soát đến mức thấp nhất khi rủi ro xảy ra và phổ biến đầy đủ cho các bộ công nhân viên.

Rủi ro tài chính bao gồm:

Rủi ro lãi suất

Lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sử dụng vốn và sau đó là hiệu quả đầu tư. Nếu trong bối cảnh lạm phát gia tăng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tăng lãi suất cơ bản VND và phát hành tín phiếu bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng nhằm thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ và kiềm chế lạm phát. Các biện pháp này sẽ dẫn đến việc tăng lãi suất huy động giữa các tổ chức tín dụng và kết quả là làm gia tăng lãi suất cho vay đồng Việt Nam. Kết quả việc tăng lãi suất này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp vay vốn ngân hàng để duy trì hoạt động và mở rộng sản xuất, làm cho chi phí lãi vay tăng dẫn đến việc kết quả kinh doanh của doanh nghiệp giảm sút.

Về phía Công ty, rủi ro về lãi suất xảy ra do giá trị của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của lãi suất thị trường. Dòng tiền đó có thể đến từ các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay nợ chịu lãi suất thả nổi,... Đứng về khía cạnh là Doanh nghiệp có những khoản đầu tư tài chính là tiền gửi vào ngân hàng có và không có kỳ hạn, rõ ràng việc lãi suất giảm ảnh hưởng không nhỏ đến dòng tiền từ hoạt động tài chính.

Rủi ro giá

Các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán kinh doanh. Công

ty quản lý rủi ro giá chứng khoán bằng cách thiết lập các hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, định kỳ đánh giá lại danh mục, tuân thủ nguyên tắc và giới hạn trong quy chế đầu tư.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty luôn kiểm soát các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định và có các chính sách quản lý rủi ro nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là các rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm hàng hóa và tài sản của Công ty..

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

❖ Tình hình thực hiện chỉ tiêu năm 2019 so với kế hoạch

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	284.919	121.095	235%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	53.347	46.246	115%

Nguồn: BMSC

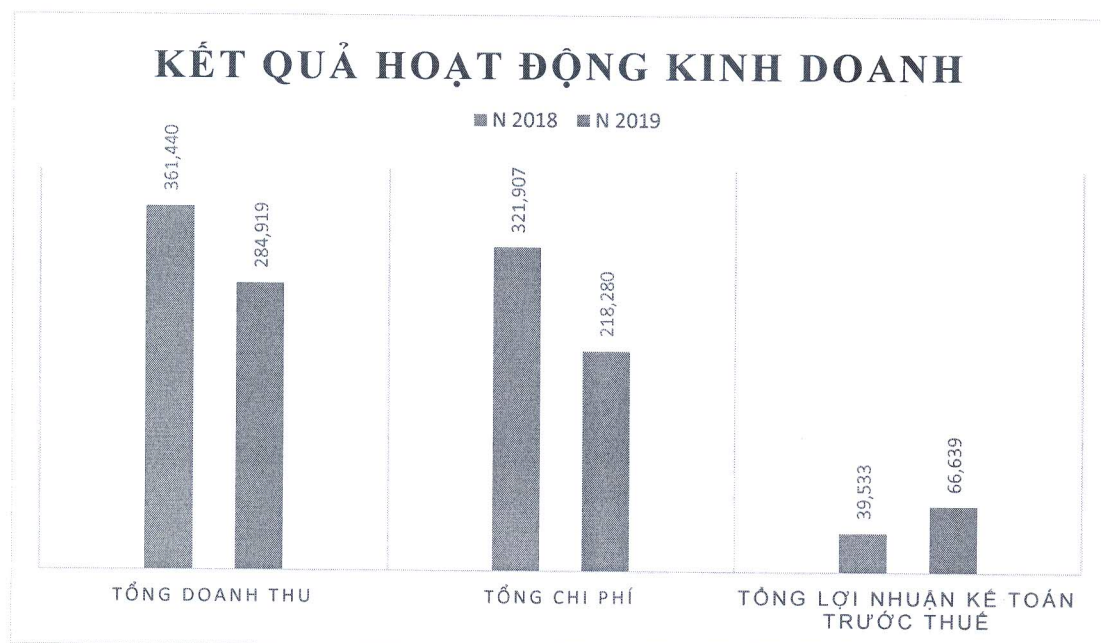
Tình hình thị trường chứng khoán trong năm 2018 không thuận lợi, diễn biến kinh tế thế giới cũng ảnh hưởng không nhỏ đến Việt Nam. Do đó so với mức kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 60 Tỷ đồng thì Công ty chỉ thực hiện được 52,55% so với kế hoạch đề ra. Doanh thu thực hiện trong năm 2018 đạt được 99,7% so với kế hoạch.

Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 so với năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng/(giảm)
1	Doanh thu hoạt động	327.995	251.199	(23,4%)
2	Chi phí hoạt động	287.722	191.392	(33,5%)
3	Doanh thu hoạt động tài chính	384	564	46,9%
4	Chi phí tài chính	15.164	13.010	(14,2%)
5	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	19.021	13.524	(28,9%)
6	Kết quả hoạt động	6.472	33.837	422,8%
7	Thu nhập khác và chi phí khác	33.061	32.802	(0,8%)
8	Lợi nhuận trước thuế	39.533	66.639	68,6%
9	Lợi nhuận sau thuế	31.627	53.347	68,7%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	651	1.035	59%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019 của BMSC



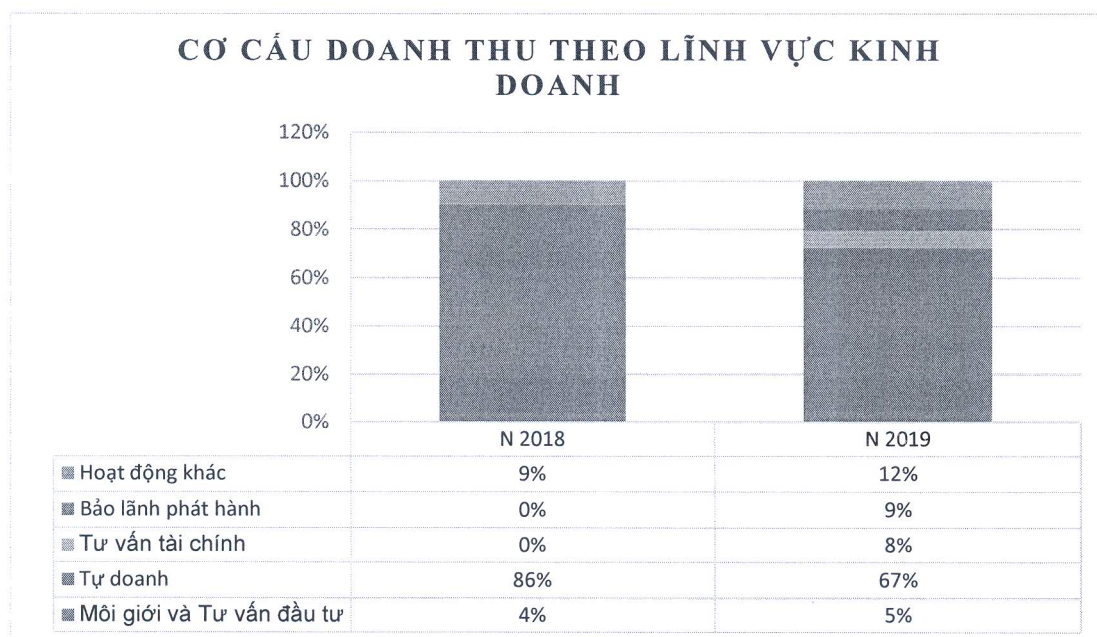
Tổng doanh thu năm 2019 đạt 284.919 triệu đồng, giảm 76.521 triệu đồng, tương ứng giảm 21,17% so với năm 2018. Chi phí kinh doanh và chi phí hoạt động năm 2019 là 218.280 triệu đồng, giảm 103.628 triệu đồng, tương ứng giảm 32,19% so với năm 2018. Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019 tăng 68,6 % so với kết quả kinh doanh năm 2018 và đạt 115,3% so với kế hoạch đã đề ra.

CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Tăng/(giảm)
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Môi giới và Tư vấn đầu tư	14.606	4,04%	13.714	4,81%	- (6,1%)
Tự doanh	312.287	86,40%	191.951	67,37%	(38,5%)
Tư vấn tài chính	1.482	0,41%	21.599	7,58%	1357,4%
Bảo lãnh phát hành	0	0%	24.500	8,6%	-
Hoạt động khác	33.061	9,15%	33.155	11,64%	0,3%
Tổng doanh thu hoạt động	361.436	100%	284.919	100%	(21,2%)

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019



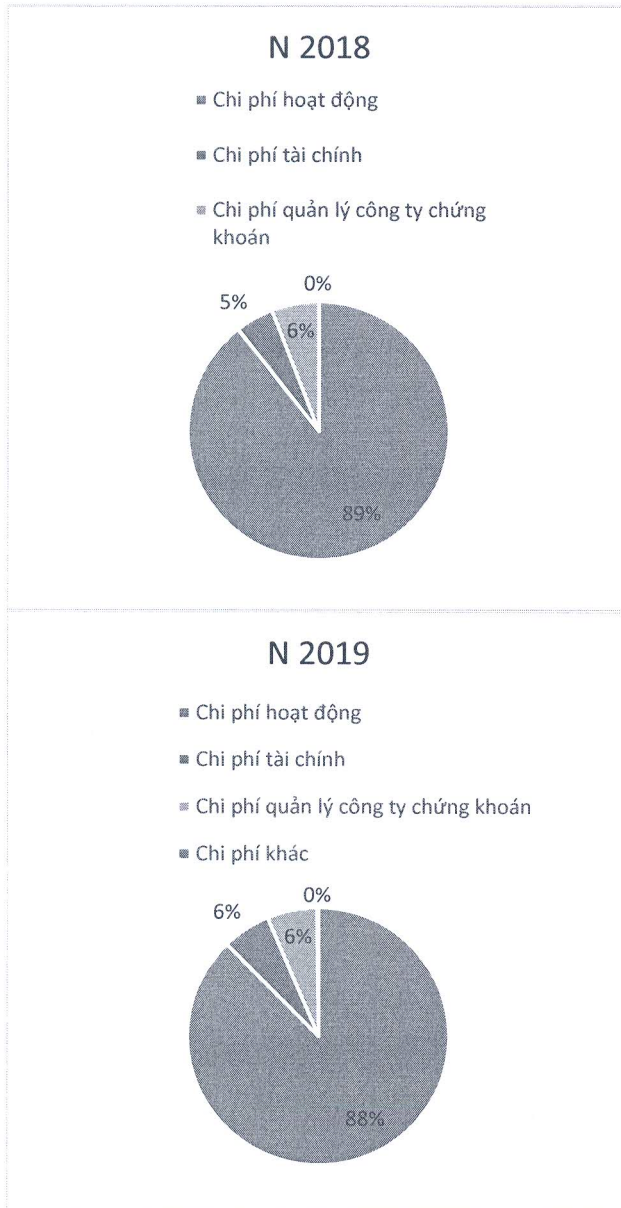
CƠ CẤU CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Tăng/(giảm)
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Chi phí hoạt động	287.722	89,38%	191.392	87,68%	(33,5%)
Chi phí tài chính	15.164	4,71%	13.010	5,96%	(14,2%)

Chi phí quản lý công ty chứng khoán	19.021	5,91%	13.524	6,2%	(28,9%)
Chi phí khác	-	-	353	0,16%	-
Tổng cộng	321.907	100,00%	218.280	100,00%	(32,2%)

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ BAN ĐIỀU HÀNH

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Khải Hoàn

Chức vụ:

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

Từ 06/2000 – 03/2002 : Trưởng nhóm kiểm toán, Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tin học AISC.
Từ 04/2002 – 08/2004 : Giám đốc Công ty Tư vấn Kiểm toán S&S.
Từ 09/2004 - 04/2005 : Giám đốc Công ty Tư vấn Kiểm toán MAZARS.
Từ 05/2007 – 03/2013 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
Từ 04/2013 - 09/2017 : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công.
Từ 04/2013 - 09/2017 : Thành viên HĐQT Công ty CP Thương mại Thành Thành Công.
Từ 04/2013 – 04/2018 : Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Đầu tư Tín Nghĩa.
Từ 04/2013 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu Tân Định.
Từ 04/2018 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh.

Ông Trần Ngô Phúc Bảo

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

Từ 2004 - 2010 : Giám sát Kinh doanh – Công ty Liên doanh Nhà máy Bia Việt Nam.
Từ 2011 - 2013 : Giám đốc kinh doanh – CTCP Bất động sản Bản Việt.
Từ 2014 – 2016 : Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Bảo Vương.
Từ 2016 – 03/2018 : Thành viên HĐQT kiêm Quyền Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh.
Từ 03/2018 - 04/2018 : Chủ tịch HĐQT kiêm Quyền Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh.
Từ 04/2018 – 06/2018 : Thành viên HĐQT kiêm Quyền Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh.
Từ 06/2018 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Bảo Minh.

Ông Hoàng Văn Thắng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

- Từ 2001- 2004 : Phụ trách kinh doanh xuất nhập khẩu Công ty YBS HongKong.
- Từ 2004 - 2007 : Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Tràm Việt.
- Từ 2007 - 2014 : Phụ trách phòng Đầu tư tài chính Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 2014 - 2016 : Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Sản xuất Giấy Nam Long.
- Từ 8/2016 – 01/2017 : Quyền Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh.
- Từ 02/2017 – 04/2018 : Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh.
- Từ 04/2018 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh.

Ông Đào Văn Chiêu

Chức vụ: thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Quá trình công tác:

- Từ 08/2008 –02/2012 : Trưởng phòng Du lịch nội địa & Vé máy bay Công ty CP Vận chuyển Saigontourist – Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn.
- Từ 03/2012 –12/2015 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Du lịch Chợ Lớn – Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn.
- Từ 12/2015 –12/2016 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Du lịch Thành Thành Công.
- Từ 12/2016 – Nay : Giám đốc Kinh doanh Công ty TNHH Hottour.
- Từ 04/2018 – nay : Thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh.

Bà Trần Thị Thanh Hương

Chức vụ: thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 1995 -1996	: Kế toán viên Kế toán vật tư, xây dựng giá thành - Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel – Yamamura - Hải Phòng.
Từ 1996 – 1997	: Kế toán vật tư, xây dựng giá thành - Công ty Thủy tinh Hải Phòng.
Từ 1997 – 1999	: Kế toán viên - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
Từ 2000 – 2002	: Phó phòng Đầu tư - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
Từ 2002 – 2005	: Phó Giám đốc Ban Kế hoạch - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
Từ 2005 – 2008	: Giám đốc Ban Kế hoạch - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
Từ 2008 – 6/2013	: Chánh Văn Phòng – Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
Từ 7/2013 – Nay	: Giám đốc Ban Đầu tư - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
Từ 2014 – nay	: Thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh.
Từ 2014 – nay	: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN, HĐQT, BKS, BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2018

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh đã thực hiện tái cấu trúc nhân sự trong Ban Điều hành và có sự thay đổi lớn về nhân sự, cụ thể như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Thành viên	Chức danh	Năm 2018	Năm 2019	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
1	Nguyễn Hải Tâm	Chủ tịch HĐQT	x	x	Từ nhiệm ngày 31/03/2019
2	Trần Khải Hoàn	Chủ tịch HĐQT		x	Bổ nhiệm ngày 29/05/2019

BAN KIỂM SOÁT

Stt	Thành viên	Chức danh	Năm 2018	Năm 2019	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
1	Nguyễn Thị Cúc	Trưởng BKS		x	Từ nhiệm ngày 22/04/2019
2	Đàm Thị Hương	Trưởng BKS		x	Bổ nhiệm ngày 22/04/2019

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính tới thời điểm ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh có 30 lao động, với cơ cấu như sau:

Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2019 của BMSC

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ	30	100%
+ Trình độ trên đại học	02	6,67%
+ Trình độ đại học	22	73,33%
+ Trình độ cao đẳng, trung cấp	04	13,33%
+ Lao động phổ thông	02	6,67%
II. Phân theo tính chất của hợp đồng	30	100%
+ Lao động không xác định thời hạn	7	23,33%
+ Lao động có thời hạn từ 12 - 36 tháng	23	76,67%
+ Lao động có thời hạn dưới 12 tháng	-	-
+ Lao động thuộc diện không ký Hợp đồng lao động	-	-
III. Phân theo giới tính	30	100%
+ Nam	14	46,67%
+ Nữ	16	53,33%
IV. Phân theo bộ phận	30	100%
+ Cán bộ quản lý	10	33,33%
+ Nhân viên nghiệp vụ	20	66,67%

Nguồn: BMSC

Môi trường làm việc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và chuyên nghiệp để mọi cá nhân có thể phát huy hết khả năng của mình phục vụ cho công việc chung.

Các chính sách của Công ty luôn hướng về tinh thần đoàn kết giữa Ban Điều hành với người lao động cũng như giữa người lao động với nhau. Điều này giúp cho tinh thần làm việc của Công ty luôn đạt hiệu suất cao nhất.

Chính sách đối với người lao động

Người lao động làm việc tại BMSC được hưởng đầy đủ các chế độ lương, thưởng, trợ cấp theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, công đoàn của Công ty

thường xuyên quan tâm đến các phong trào thi đua, khen thưởng kịp thời, quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện tốt các chế độ chính sách ưu đãi cho cán bộ công nhân viên Công ty.

- Chính sách đào tạo: Công tác đào tạo luôn được Công ty coi trọng, Công ty hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- Chính sách tiền lương:
 - Đối với chế độ tiền lương, Công ty tuân thủ theo Luật Lao động và quy định về nâng bậc lương của Công ty đã ban hành.
 - Năm 2017, mức lương bình quân đầu người đạt 13,65 triệu đồng/người/tháng và 16,45 triệu đồng/người/tháng trong năm 2019. Thu nhập của người lao động luôn được cải thiện và năm sau cao hơn năm trước.
 - Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng chế độ, chính sách quy định theo quy định pháp luật hiện hành.
 - Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có đóng góp cho Công ty. Có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động gây ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín của Công ty.
 - Chế độ đãi ngộ và khen thưởng: Công ty thực hiện tốt các chế độ phúc lợi như khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm trách nhiệm người sử dụng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ phép,... cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty thực hiện chế độ thưởng bằng tiền mặt vào các ngày lễ lớn trong năm.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Không có.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng/(giảm)
------------	-----------------	-----------------	-----------------	--------------------

Các chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán

1	Tổng tài sản	754.321	804.028	6,6%
2	Nợ phải trả	207.332	207.960	0,3%
3	Vốn chủ sở hữu	546.989	596.068	9%
4	Vốn điều lệ	500.000	500.000	0%

Chỉ tiêu Báo cáo kết quả kinh doanh

1	Doanh thu hoạt động	327.995	251.199	(23,4%)
2	Chi phí hoạt động	287.722	191.392	(33,5%)
3	Kết quả hoạt động	6.472	33.837	422,8%
4	Thu nhập khác	33.061	32.802	(0,8%)
5	Lợi nhuận trước thuế	39.533	66.639	68,6%
6	Lợi nhuận sau thuế	31.627	53.347	68,7%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	651	1.035	59%

CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng

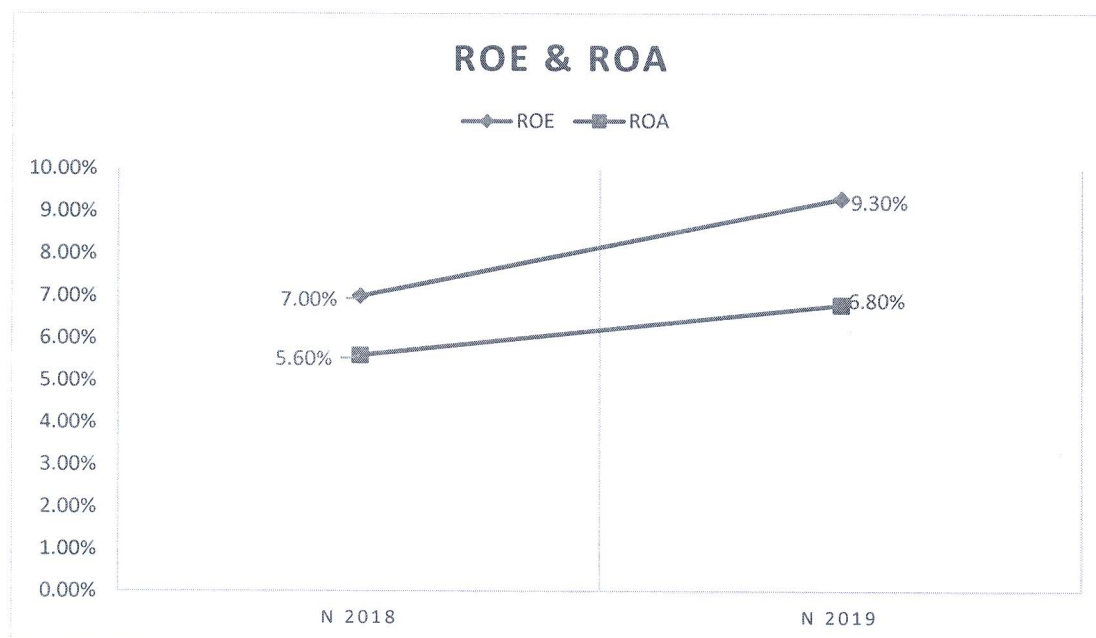
Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	29.063	52.464
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	41.480	23.774
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	100.000	52.564
4	Tổng giá trị rủi ro	170.543	128.803
5	Vốn khả dụng	420.695	406.173
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	246,68%	315,34%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,61	3,84
+ Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	3,61	3,84

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	27,49	25,86
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	37,9	34,89
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0,43	0,31
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	9,6	21,2
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	5,8	8,9
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	4,2	6,6
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	12,3	23,8
+ Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng	651	1.035

KHẢ NĂNG SINH LỜI: ROE, ROA



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHẦN

Cổ phần

Tính đến ngày 31/12/2018, vốn điều lệ của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ của Công ty : 500.000.000.000 đồng

- Mệnh giá 1 cổ phần : 10.000 đồng

- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch : 50.000.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 50.000.000 cổ phiếu

- Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu

- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phiếu

- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng : 50.000.000 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
I	Cổ đông lớn	35.009.666	70.02%	3	1	2
1	Trong nước	35.009.666	70.02%	3	1	2
2	Nước ngoài	-	-	-	-	-
II	Công đoàn công ty	-	-	-	-	-
1	Trong nước	-	-	-	-	-
2	Nước ngoài	-	-	-	-	-
III	Cổ đông khác	14.990.334	29.98%	1.058	2	1.056
1	Trong nước	14.990.334	80,75%	1.058	2	1.056
2	Nước ngoài	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	50.000.000	100%	1.061	3	1.058
	- Trong nước	50.000.000	100%	1.061	3	1.058
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-

Nguồn: Danh sách cổ đông của BMS chốt ngày 07/04/2020

Số lượng cổ phần nắm giữ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Hội đồng quản trị		-	-
1	Trần Khải Hoàn	Chủ tịch	-	-
2	Trần Ngô Phúc Bảo	Phó Chủ tịch	-	-

3	Hoàng Văn Thắng	Thành viên	-	-
4	Trần Thị Thanh Hương	Thành viên	-	-
5	Đào Văn Chiêu	Thành viên	-	-
II Ban Tổng Giám đốc			-	-
1	Hoàng Văn Thắng	Tổng GD	-	-
III Kế toán trưởng			-	-
1	Đặng Thùy Trang	KTT	-	-

Nguồn: BMS

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Không có.

TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC

Ngày 22/04/2019, Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2019 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh đã thông qua tỷ lệ trả cổ tức của 2018 là 6% cổ tức bằng cổ phiếu.

THÔNG TIN VỀ CÁC GIAO DỊCH, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

Không có

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Không có.

Giao dịch của người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát

Không có.

Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác

Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, thành viên Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có.

Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có.

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2019, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Thực hiện tái cấu trúc Công ty, cơ cấu lại bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, đảm bảo tính linh hoạt và hiệu quả. Cấu trúc lại Ban Lãnh đạo, các cán bộ quản lý và người lao động, đảm bảo cán bộ nhân viên luôn được tạo điều kiện nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn. Công ty đảm bảo đào tạo thường xuyên và liên tục các nghiệp vụ mới, tạo điều kiện cho người lao động phát huy hết khả năng và nâng cao năng suất lao động.

Kế hoạch kinh doanh được định hướng rõ ràng và cân đối trên cơ sở các nền tảng nguồn vốn, nhân lực sẵn có, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

Toàn thể CBCNV tin tưởng, đoàn kết, toàn tâm phấn đấu làm việc, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đặt ra.

Hiện Công ty là một trong những doanh nghiệp có uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Công ty thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh được phép của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước, luôn đảm bảo sự minh bạch trong quản lý tài khoản nhà đầu tư, công khai trong các hoạt động kinh doanh. Hoạt động tự doanh chứng khoán đã đóng góp vào phần lớn doanh thu của Công ty, bên cạnh đó nghiệp vụ môi giới chứng khoán cũng có doanh thu khá ấn tượng trong năm 2019 thể hiện ở việc doanh thu môi giới năm 2019 đạt cao nhất từ trước đến nay, các nghiệp vụ kinh doanh khác cũng góp phần đáng kể vào doanh thu hàng năm của Công ty.

Song song với hoạt động kinh doanh, các hoạt động cộng đồng, xã hội cũng được Công ty chú trọng và đẩy mạnh.

Đánh giá về hoạt động năm 2019

Điểm mạnh:

- Tình hình tài chính BMSC nằm trong vùng an toàn, luôn duy trì tốt tỷ lệ an toàn vốn khả dụng. BMSC đã kiểm soát chi phí và rủi ro khá tốt.

- BMSC đã xây dựng và khẳng định được thương hiệu trong những năm qua. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán đạt trên 2.000 tài khoản làm cơ sở để tiếp tục thu hút nhà đầu tư về giao dịch, mở rộng thị phần.
- Việc cung cấp sản phẩm dịch vụ của BMSC đều chú trọng đến yếu tố rủi ro và thực tế đã kiểm soát không để xảy ra rủi ro trong hoạt động kinh doanh từ năm 2013.
- Xây dựng được văn hóa công ty tạo môi trường tốt cho CBCNV. Hội đồng quản trị, Ban điều hành BMSC đều là những người có nhiều kinh nghiệm và thể hiện quyết tâm gắn bó lâu dài và đoàn kết trong mọi hoạt động.

Điểm yếu:

- Với mức Vốn điều lệ là 500 tỷ đồng được xếp vào nhóm các công ty có vốn trung bình khá và gặp nhiều khó khăn khi muốn mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng. Đặc biệt vào tháng 8/2017 UBCK đưa vào hoạt động thị trường chứng khoán phái sinh với những yêu cầu rất cao về vốn đối với CTCK (tối thiểu từ 700 tỷ đồng);
- Hoạt động đầu tư chưa có hiệu quả cao, trích lập dự phòng lớn.
- Chất lượng đội ngũ trưởng phó phòng còn hạn chế về nhân sự, về kỹ năng quản lý.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các nghị quyết của HĐQT để triển khai các chủ trương của HĐQT, chỉ đạo, thực hiện theo đúng phân cấp thẩm quyền, kiểm tra, điều hành mọi hoạt động của Công ty để hoàn thành kế hoạch đề ra. Tổng Giám đốc cũng là thành viên HĐQT của Công ty, nên việc triển khai thực hiện các Nghị quyết diễn ra nhanh chóng, kịp thời.

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch cụ thể một cách khoa học, thường xuyên kiểm tra, hội ý, tranh luận, trao đổi để đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác để điều hành sản xuất. Việc phân công từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp và phát huy cao nhất năng lực quản lý, lãnh đạo của các thành viên.

Quan hệ công việc giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đúng theo quy chế quản trị của công ty.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, kịp thời, chính xác và trung thực.

Ban Tổng Giám đốc cũng chủ động trong việc tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Trải qua 1 năm đầy khó khăn và thử thách, Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đưa ra các biện pháp để nâng cao hoạt động kinh doanh và hoàn thành kế hoạch. Công

ty đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019 đề ra, cụ thể: Doanh thu thuần năm 2019 đạt hơn 284,919 tỷ đồng, tăng 163,824 tỷ đồng, tương ứng đạt 235.3% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao. Chi phí kinh doanh và chi phí hoạt động năm 2019 là 218,279 tỷ đồng, tăng 154,992 tỷ đồng, tương ứng đạt 344.9% so với kế hoạch. Kết quả kinh doanh năm 2019 là 66,639 tỷ đồng đạt 115.3% so với kế hoạch đã đề ra và đạt mức tăng 169% so với kết quả kinh doanh năm 2018. Trong tình hình kinh tế còn nhiều biến động và sự cạnh tranh của thị trường rất lớn thì đây là thành tích được HĐQT đánh giá rất cao, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty hiệu quả, đúng pháp luật và được người lao động trong Công ty tín nhiệm, quan hệ tốt với đối tác và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước cũng như đảm bảo chính sách cho nhân sự của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020

Kế hoạch tổng quát

- Phân đầu hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của năm 2020.
- Từng bước phục hồi lại hoạt động của Công ty sau đại dịch Covid-19
- Thực hiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.
- Từng bước thực hiện và hoàn thiện tiến trình tái cấu trúc Công ty.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Năm 2019, HĐQT đã tiến hành 11 cuộc họp để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp của HĐQT đều có mời Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tham dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Stt	Thành viên	Chức danh	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Trần Khải Hoàn	Chủ tịch HĐQT	8/11	72%	Do ĐHĐCĐ bầu mới từ 29/05/2018
2	Trần Ngô Phúc Bảo	Phó Chủ tịch HĐQT	11/11	100%	
3	Hoàng Văn Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	11/11	100%	
4	Trần Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT không điều hành	11/11	100%	

5	Đào Văn Chiêu	Thành viên HĐQT không điều hành	11/11	100%
---	---------------	------------------------------------	-------	------

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết liên quan đến hoạt động quản trị và thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của mình. Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên, phù hợp với Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

Trong năm 2019, hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh có thể đánh giá là hiệu quả, các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã luôn bám sát tình hình thực tế, đáp ứng kịp thời hoạt động của Công ty nhằm hoàn thành kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời và cùng với Ban Điều hành Công ty giải quyết các vấn đề khó khăn về nguồn vốn và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Năm 2019, HĐQT đã ra các nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền, quy định của Điều lệ và pháp luật về các vấn đề chủ yếu sau:

- Tổng kết tình hình hoạt động năm 2018 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2019. Đồng thời, trao đổi một số định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty trong tương lai.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện theo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và giám sát việc thực thi các nghị quyết trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo triển khai chi trả cổ tức năm 2019.
- HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý Công ty.
- Thực hiện công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong HĐQT có thành viên nằm trong Ban Tổng giám đốc là Tổng Giám đốc. Do đó, tình hình thực hiện hoạt động kinh doanh theo kế hoạch, việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT luôn được Ban Tổng giám đốc nắm bắt nhanh chóng và thực hiện đúng theo chỉ đạo của HĐQT.

Do đó, tất cả các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc được giám sát chặt chẽ để đảm bảo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2019, HĐQT Công ty đã phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty, tiến hành các hoạt động giám sát với Ban Tổng Giám đốc. Qua công tác kiểm tra cho thấy Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao. Do đó, Công ty đã đạt được kết quả tốt trong năm 2019. Doanh thu thuần năm 2019 đạt hơn 284,919 tỷ đồng, tăng 163,824 tỷ đồng, tương ứng đạt 235.3% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao. Chi phí kinh doanh và chi phí hoạt động năm 2019 là 218,279 tỷ đồng, tăng 154,992 tỷ đồng, tương ứng đạt 344.9% so với kế hoạch. Kết quả kinh doanh năm 2019 là 66,639 tỷ đồng đạt 115.3% so với kế hoạch đã đề ra và đạt mức tăng 169% so với kết quả kinh doanh năm 2018. Đời sống CBCNV ổn định, thu nhập bình quân đạt 16,45 triệu đồng/người/tháng.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty
Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và sự hợp tác của Lãnh đạo Công ty cũng như CBCNV Công ty khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Trưởng Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhằm nắm bắt được các thông tin kịp thời của Công ty.
- Giám sát công tác quản lý và điều hành của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh, chi phí quản lý, đầu tư;
- Giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của Nhà nước; quy trình quy chế và các quy định nội bộ của Công ty. Giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy trình quy chế của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và cán bộ quản lý khác

Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của Công ty.

- Chỉ đạo bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ tại Công ty. Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh, đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- Hàng quý, Ban Kiểm soát cùng với Ban nghiệm thu nội bộ đã kiểm tra toàn diện hoạt động của các đơn vị trực thuộc, phát hiện kịp thời các sai sót trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đưa ra các biện pháp chấn chỉnh phù hợp để đảm bảo đúng quy định của nhà nước, của Công ty.
- Tham gia Hội nghị Người lao động, kiểm tra tình hình sử dụng lao động, thực hiện chính sách với người lao động.
- Tham gia soát xét và phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập thẩm tra BCTC 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành. Đồng thời, ghi nhận và triển khai thực hiện các ý kiến tư vấn của kiểm toán độc lập nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý tài chính của Công ty.
- Ban kiểm soát đã chủ động trong việc bố trí công việc, tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ quản trị Công ty nhằm nâng cao chất lượng công việc. Việc áp dụng công nghệ thông tin trong công việc hàng ngày giúp chuẩn hóa hệ thống báo cáo, thông tin nhanh chóng kịp thời, chính xác và lưu trữ có hệ thống, thuận tiện cho việc tra cứu.
- Trong năm 2019 Ban kiểm soát không nhận được đơn, thư hay phản ánh bằng văn bản nào của cổ đông liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đánh giá của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT. Các nghị quyết, Quyết định ban hành trong phạm vi trách nhiệm của HĐQT, đúng trình tự, đúng thẩm quyền và tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, đã giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐQT, kiên quyết chỉ đạo Công ty thực hiện dự án đúng tiến độ, điều hành sản xuất đạt kế hoạch giao.

Ban kiểm soát cũng đánh giá cao Ban lãnh đạo Công ty, đã có nhiều cố gắng và nỗ lực trong việc điều hành hoạt động theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Lãnh đạo và người lao động Công ty đã thể hiện tính tích cực chủ động, có trách nhiệm trong sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

Nhìn chung, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2019 theo Ban kiểm soát là kịp thời, cần trọng và có trách nhiệm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán và xác nhận: *Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.*

2. Báo cáo tài chính năm 2019:

Tham khảo chi tiết Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán tại website: www.bmsc.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		797.048.929.713	746.139.884.725
I. Tài sản tài chính	110		796.531.885.445	745.562.530.891
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	232.957.041.577	106.453.959.710
1.1 Tiền	111.1		232.957.041.577	14.453.959.710
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		-	92.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6.1	355.056.638.120	226.223.621.440
3. Các khoản cho vay	114	6.2	26.094.870.180	3.729.288.213
4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	6.2	(3.641.652.645)	(3.641.652.645)
5. Các khoản phải thu	117	7	-	22.305.930.816
5.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		-	22.305.930.816
5.1.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	22.000.040.405
5.1.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		-	305.890.411
6. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	119	7	10.000.000	10.000.000
7. Các khoản phải thu khác	122	8	186.054.988.213	390.481.383.357
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		517.044.268	577.353.834
1. Tạm ứng	131		5.400.000	25.000.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	9	511.644.268	552.353.834
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		6.978.951.107	8.180.615.394
I. Tài sản cố định	220		2.834.329.284	3.960.470.742
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.005.313.155	1.284.727.950
- Nguyên giá	222		7.549.106.668	7.513.796.668
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(6.543.793.513)	(6.229.068.718)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.829.016.129	2.675.742.792
- Nguyên giá	228		10.557.565.440	10.557.565.440
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(8.728.549.311)	(7.881.822.648)
II. Tài sản dài hạn khác	250		4.144.621.823	4.220.144.652
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		507.954.375	416.654.550
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	9	-	213.093.273
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	25	1.372.209.315	1.946.813.920
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	10	2.264.458.133	1.643.582.909
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		804.027.880.820	754.320.500.119

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		207.960.357.621	207.331.805.600
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		207.759.957.621	206.949.705.600
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		181.700.000	200.400.000
1.1 Vay ngắn hạn	312	13	181.700.000	200.400.000
2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	14	160.000.000.000	150.000.000.000
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320		8.745.754	8.745.754
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		30.000.000	30.000.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	15	12.486.024.705	9.931.576.989
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		88.106.506	115.310.438
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	16	25.009.612.593	10.684.931.507
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	17	3.997.878.366	30.217.133.297
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		5.957.889.697	5.761.607.615
II. Nợ phải trả dài hạn	340		200.400.000	382.100.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		200.400.000	382.100.000
1.1 Vay dài hạn	342	13	200.400.000	382.100.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		596.067.523.199	546.988.694.519
I. Vốn chủ sở hữu	410		596.067.523.199	546.988.694.519
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	500.000.000.000	500.000.000.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		500.000.000.000	500.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		12.238.582.661	9.571.255.015
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		12.238.582.661	9.571.255.015
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		71.590.357.877	27.846.184.489
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		77.079.195.137	35.633.440.170
- Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện	417.2		(5.488.837.260)	(7.787.255.681)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		804.027.880.820	754.320.500.119

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	004		-	11.287.735.088
2. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	006		50.000.000	50.000.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK (cổ phiếu)	008		20.465.849	16.229.788
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>008.1</i>		<i>20.465.849</i>	<i>16.229.788</i>
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (cổ phiếu)	021		232.791.049	285.173.148
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>185.359.089</i>	<i>178.873.329</i>
<i>b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>		<i>47.413.310</i>	<i>106.291.339</i>
<i>c. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		<i>18.650</i>	<i>8.480</i>
2. Tiền gửi của khách hàng (VND)	026		4.616.084.114	5.763.598.906
<i>a. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán</i>	<i>027</i>	<i>19.1</i>	<i>3.146.097.347</i>	<i>3.778.658.545</i>
<i>b. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán</i>	<i>030</i>	<i>19.2</i>	<i>1.469.986.767</i>	<i>1.984.940.361</i>
3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	031	19.3	3.147.761.574	4.363.415.246
<i>a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>031.1</i>		<i>3.147.761.574</i>	<i>4.363.415.246</i>
4. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)	035	19.4	5.223.263.740	30.781.836.060

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)	01		191.386.371.851	311.903.317.726
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	20.1	92.985.818.753	179.793.257.501
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/(lỗ) FVTPL</i>	01.2	20.2	95.545.556.469	127.079.396.273
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3		2.854.996.629	5.030.663.952
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		1.112.543.536	407.903.721
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		11.017.213.769	9.074.397.184
1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		24.500.000.000	-
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		1.388.241.443	1.027.735.160
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	10		21.598.692.727	1.482.272.107
1.7. Thu nhập hoạt động khác	11		196.352.351	4.098.920.119
Cộng doanh thu hoạt động (20=01+03+06+07+09+10+11)	20		251.199.415.677	327.994.546.017
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		130.926.317.519	149.902.704.715
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1	20.1	38.253.784.076	13.089.238.841
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/(lỗ) FVTPL</i>	21.2	20.2	92.672.533.443	136.813.465.874
2.2. Chi phí hoạt động tự doanh	26	21	35.278.048.649	127.543.119.455
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		6.216.187.424	6.131.873.589
2.4. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		15.844.971.295	-
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.219.440.005	1.530.510.474
2.6. Chi phí các dịch vụ khác	32	22.1	1.907.018.252	2.613.333.333
Cộng chi phí hoạt động (40=21+26+27+29+30+32)	40		191.391.983.144	287.721.541.566
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		564.356.351	384.176.493
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42)	50		564.356.351	384.176.493
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52		13.010.273.531	15.163.930.193
Cộng chi phí tài chính (60=52)	60	23	13.010.273.531	15.163.930.193
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN				
	62	24	13.524.239.129	19.021.491.257
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)				
	70		33.837.276.224	6.471.759.494

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Thu nhập khác	71	22.2	33.155.428.526	33.061.201.248
7.2. Chi phí khác	72		(353.327.025)	(396.334)
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71+72)	80		32.802.101.501	33.060.804.914
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	90		66.639.377.725	39.532.564.408
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		63.766.354.699	49.266.634.009
8.2. Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện	92		2.873.023.026	(9.734.069.601)
IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100	25	13.292.824.813	7.905.909.593
9.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		12.718.220.208	9.852.723.513
9.2. Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	100.2		574.604.605	(1.946.813.920)
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	200		53.346.552.912	31.626.654.815
XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
11.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	501	27	1.035	651

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	66.639.377.725	39.532.564.408
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	10.752.372.009	10.989.869.028
- Khấu hao tài sản cố định	03	1.161.451.458	1.240.779.280
- Chi phí lãi vay	06	13.010.273.531	15.163.930.193
- Dự thu tiền lãi	08	(3.419.352.980)	(5.414.840.445)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	92.672.533.443	136.813.465.874
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11	92.672.533.443	136.813.465.874
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(95.545.556.469)	(127.079.396.273)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19	(95.545.556.469)	(127.079.396.273)
5. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	67.846.776.359	(362.130.509.810)
- Thay đổi tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	(125.959.993.654)	(120.451.758.161)
- Thay đổi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	-	135.000.000.000
- Thay đổi các khoản cho vay	33	(22.365.581.967)	(69.185.556)
- Thay đổi các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	22.000.040.405	(22.000.040.405)
- Thay đổi các khoản phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	37	-	9.420.719
- Thay đổi các khoản phải thu khác	39	204.426.395.144	(342.418.483.372)
- Thay đổi các tài sản khác	40	(692.575.049)	(302.285.877)
- Thay đổi chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	13.617.612.591	-
- Thay đổi chi phí trả trước	42	253.802.839	642.431.498
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	(12.071.856.114)	(13.957.947.036)
- Lãi vay đã trả	44	(12.303.205.036)	(2.568.659.510)
- Thay đổi các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	(27.203.932)	31.543.000
- Thay đổi thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	1.908.083.622	8.190.797.249
- Thay đổi phải trả người lao động	48	(4.071.442.150)	726.281.328
- Thay đổi phải trả, phải nộp khác	50	3.132.699.660	(4.962.623.687)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	142.365.503.067	(301.874.006.773)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(35.310.000)	(570.195.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(35.310.000)	(570.195.600)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	-		200.000.000.000	
2. Tiền vay gốc và nợ gốc trái phiếu	73	259.000.000.000		768.264.573.833	
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(249.200.400.000)		(618.464.973.833)	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76	(25.626.711.200)		(2.250.879.600)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	(15.827.111.200)		347.548.720.400	
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm					
	90	126.503.081.867		45.104.518.027	
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm					
- Tiền	101.1	14.453.959.710		61.349.441.683	
- Các khoản tương đương tiền	101.2	92.000.000.000		-	
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm					
- Tiền	103.1	232.957.041.577		14.453.959.710	
- Các khoản tương đương tiền	103.2	-		92.000.000.000	

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng					
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	1.789.429.459.435		319.460.321.825	
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(889.310.043.866)		(1.112.590.368.708)	
3. Thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	(905.409.625.248)		731.795.299.362	
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(399.380.979)		-	
5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	110.906.032.516		2.281.446.978	
6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(106.363.956.650)		(2.368.016.178)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	(1.147.514.792)		(61.421.316.721)	
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng					
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	30	5.763.598.906		67.184.915.627	
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	31	5.763.598.906		67.184.915.627	
theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32	4.363.415.246		60.803.809.423	
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	1.400.183.660		6.381.106.204	
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)					
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	40	4.616.084.114		5.763.598.906	
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	41	4.616.084.114		5.763.598.906	
theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42	3.146.097.347		4.363.415.246	
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	1.469.986.767		1.400.183.660	

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	01/01/2018	01/01/2019	Năm trước		Năm nay		31/12/2018	31/12/2019
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	500.000.000.000	200.000.000.000				500.000.000.000	500.000.000.000
1.1. Cổ phiếu, phổ thông có quyền biểu quyết	300.000.000.000	500.000.000.000	200.000.000.000				500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	7.989.922.274	9.571.255.015	1.581.332.741		2.667.327.646		9.571.255.015	12.238.582.661
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	7.989.922.274	9.571.255.015	1.581.332.741		2.667.327.646		9.571.255.015	12.238.582.661
4. Lợi nhuận chưa phân phối	40.999.290.780	27.846.184.489	143.294.675.565	156.447.781.856	130.705.684.050	86.961.510.662	27.846.184.489	71.590.357.877
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	30.431.253.101	35.633.440.170	41.527.518.032	36.325.330.963	51.048.134.491	9.602.379.524	35.633.440.170	77.079.195.137
4.2. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	10.568.037.679	(7.787.255.681)	101.767.157.533	120.122.450.893	79.657.549.559	77.359.131.138	(7.787.255.681)	(5.488.837.260)
	356.979.135.328	546.988.694.519	346.457.341.047	156.447.781.856	136.040.339.342	86.961.510.662	546.988.694.519	596.067.523.199

Phụ lục Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh được đính kèm báo cáo này.

Tp. HCM, ngày 15/04/2020

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA
CTCP CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
TỔNG GIÁM ĐỐC** *pe*



HOÀNG VĂN THẮNG

